

**NỘI DUNG ÔN THI TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC NGÀNH DƯỢC
MÔN LÝ THUYẾT TỔNG HỢP NĂM 2015**

I. NHỮNG NỘI DUNG CHÍNH SINH VIÊN PHẢI TRÌNH BÀY ĐƯỢC KHI THI

1. Đại cương về bệnh (liên quan đến nhóm thuốc), nguyên tắc và phác đồ điều trị

2. Đại cương về nhóm thuốc

- Đặc điểm về cấu trúc chung của nhóm
- Phân loại
- Tác dụng chung của nhóm và cơ chế tác dụng, nguyên tắc sử dụng chung của cả nhóm (nếu có)

- Tác dụng không mong muốn
- Chỉ định điều trị

3. Các thuốc cụ thể

3.1. Thuốc có nguồn gốc hoá dược

- Tên quốc tế, tên khác (nếu có)
- Nguồn gốc và các phương pháp điều chế chính
- Liên quan giữa cấu trúc hoá học với tác dụng dược lý (nếu có).
- Tính chất lý hoá
- Phương pháp kiểm nghiệm dược chất.
- Tác dụng và cơ chế tác dụng
- Dược động học (nếu có)
- Chỉ định điều trị
- Tác dụng không mong muốn
- Chống chỉ định
- Tương tác thuốc
- Dạng bào chế và biệt dược thường gặp (hoặc công thức điển hình)
 - + Đặc điểm công thức
 - + Vai trò các thành phần
 - + Kỹ thuật bào chế
- Các quy chế liên quan:
 - + Quy định đăng ký thuốc (*)
 - + Quy định ghi nhãn thuốc
 - + Quy định về thông tin, quảng cáo thuốc
 - + Quy định quản lý thuốc hướng tâm thần và tiền chất
 - + Quy chế kê đơn thuốc trong điều trị ngoại trú



3.2. Thuốc có nguồn gốc dược liệu:

- Tên cây thuốc (*Tên, họ Việt Nam; tên, họ la tinh*)
- Phân bố
- Bộ phận dùng
- Kể tên các hoạt chất chính
- Phương pháp kiểm nghiệm, chế biến và bảo quản
- Công dụng, cách dùng và liều dùng

II- NHỮNG NHÓM THUỐC VÀ THUỐC CỤ THỂ:

2.1. Thuốc có nguồn gốc hoá dược

	Nhóm thuốc	Thuốc cụ thể
1.	<i>Thuốc điều trị lao</i>	Isoniazid (INH) Rifampicin (Rifampin)
2.	<i>Thuốc hạ sốt giảm đau</i>	Aspirin (Acid acetyl salicylic) Paracetamol (Acetaminophen)
3.	<i>Thuốc giảm đau gây nghiện</i>	Morphin Pethidin
4.	<i>Thuốc lợi tiểu</i>	Furosemid Hydroclorothiazid
5.	<i>Thuốc điều trị tăng huyết áp</i>	Captopril Nifedipin
6.	<i>Thuốc chống viêm không steroid</i>	Ibuprofen Diclofenac
7.	<i>Thuốc kháng Histamin (chẹn thụ thể H1)</i>	Clorpheniramin Ceftirizin (*)
8.	<i>Thuốc an thần, gây ngủ</i>	Diazepam Phenobarbital
9.	<i>Thuốc chống nấm</i>	Fluconazol Amphotericin B
10.	<i>Thuốc phòng và điều trị sốt rét</i>	Quinin Mefloquin Artemisinin và dẫn chất
11.	<i>Thuốc chữa giun sán</i>	Albendazol Niclosamid
12.	<i>Các vitamin</i>	Vitamin B ₁ (Thiamin) Vitamin B ₆ (Pyridoxin) Vitamin C (Acid ascorbic) Vitamin A (Retinol) Vitamin D (Calciferol) Vitamin E (Tocoferol)



13.	<i>Penicillin và các kháng sinh bán tổng hợp nhóm betalactam</i>	Benzyl penicilin (Penicilin G) Phenoxymethyl penicilin (Penicilin V) Amoxicilin Cephalexin Cefuroxim Cefotaxim Ceftriaxon
14.	<i>Kháng sinh nhóm aminosid</i>	Streptomycin Gentamicin
15.	<i>Kháng sinh nhóm macrolid</i>	Erythromycin Spiramycin Azithromycin
16.	<i>Các chất kháng khuẩn nhóm quinolon</i>	Acid nalidixic Ciprofloxacin
17.	<i>Thuốc chống viêm nhóm Steroid</i>	Hydrocortison (cortisol) Prednisolon Dexamethason
18.	<i>Thuốc điều trị viêm loét dạ dày tá tràng</i>	Cimetidin Omeprazol
19.	<i>Thuốc điều trị ho - hen</i>	Codein Salbutamol
20.	<i>Thuốc điều trị bệnh đái tháo đường</i>	Acarbose (*) Metformin Glibenclamid
21.	<i>Thuốc điều trị ung thư</i>	Vinblastin 5-Fluorouracil

2.2. Thuốc có nguồn gốc dược liệu

STT	Dược liệu	STT	Dược liệu
1.	Bạch chỉ	17.	Củ bình vôi
2.	Xuyên khung	18.	Canhkina
3.	Bạc hà	19.	Thanh cao hoa vàng
4.	Cây thuốc phiện	20.	Hoàng liên
5.	Cây Coca	21.	Hoàng bá
6.	Cây mã đề	22.	Sài đất
7.	Trạch tả	23.	Tỳ giải
8.	Hoè	24.	Cam thảo bắc (*)
9.	Hý thiêm	25.	Actiso (*)
10.	Ngưu tất	26.	Cà độc dược
11.	Mã tiền	27.	Ong mật

12.	Kim ngân	28.	Bách bộ
13.	Vàng đắng (*)	29.	Cát cánh
14.	Núc nác	30.	Ma hoàng
15.	Lạc tiên	31.	Dừa cạn
16.	Sen		

(21 Nhóm thuốc: 55 Hoá dược; 31 Dược liệu)

Ghi chú: Phân có ký hiệu (*) là phân nội dung mới bổ sung, điều chỉnh.

Hà Nội, ngày 17 tháng 12 năm 2014

KT. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG *uk*



Thái Nguyên Hùng Thu